

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUY MÔ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) VÀO LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

SOLUTIONS FOR INCREASING FOREIGN DIRECT INVESTMENT (FDI) IN VIETNAM AGRICULTURE

Nguyễn Thị Mai Hương^{1,*},
Trần Thị Minh Châu², Nguyễn Thị Xuân Hương¹

TÓM TẮT

Hơn 30 năm qua, vốn FDI vào Việt Nam đã đem lại nhiều thành tựu to lớn và đạt được những bước tiến quan trọng. Tuy nhiên, bên cạnh đó dòng vốn FDI vào nông nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế, các dự án FDI trong lĩnh vực nông nghiệp nhỏ cả về quy mô và tỷ trọng vốn đầu tư, chưa tương xứng với tiềm năng cũng như thế mạnh của nền nông nghiệp Việt Nam. Bài báo nhằm khái quát thực trạng quy mô vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam trong thời gian qua để thấy được xu hướng biến động của dòng vốn này và đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường quy mô vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Đầu tư trực tiếp nước ngoài, lĩnh vực nông nghiệp, Việt Nam.

ABSTRACT

Thanks to foreign direct investment (FDI), Vietnam has achieved great results in development for 30 years. However, the FDI in agriculture was limited and the scale and capital of FDI projects were low that was not suitable for the potentials and strengths of Vietnam agriculture. We will analyze the current state of FDI in Vietnam agriculture in recent years to figure out the changes in the investment for proposing solutions for increasing FDI in the agriculture sector in Vietnam.

Keywords: Foreign direct investment, agriculture, Vietnam.

¹Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam

²Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

*Email: huongntm@vnuf.edu.vn

Ngày nhận bài: 10/8/2019

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 16/10/2019

Ngày chấp nhận đăng: 20/12/2019

1. GIỚI THIỆU

Nông nghiệp Việt Nam hiện đang đóng vai trò quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân. Sản xuất nông nghiệp không những phải đảm bảo thỏa mãn nhu cầu về lương thực, thực phẩm thiết yếu cho tiêu dùng trong nước, góp phần giảm tỷ lệ hộ đói nghèo xuống còn 12% mà còn phục vụ xuất khẩu ra thị trường thế giới. Nhiều sản phẩm xuất khẩu chủ lực, phát huy được lợi thế so sánh của nước ta là các mặt hàng nông lâm sản.

Đẩy nhanh công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nhằm tạo động lực để đưa kinh tế nông thôn phát triển và hướng tới phát triển một nền nông nghiệp bền vững, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế

là một chủ trương lớn của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Để đạt được mục tiêu này cần có một lượng vốn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Trong bối cảnh huy động nguồn vốn từ ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, nguồn vốn ODA có xu hướng giảm sút trong những năm gần đây thì vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được xác định là một trong những nguồn vốn quan trọng góp phần hiện thực hóa chủ trương này. Mặc dù trong giai đoạn hội nhập, nguồn vốn FDI đổ vào ngày càng tăng, tuy nhiên FDI vào lĩnh vực nông nghiệp vẫn chưa phát huy được hết tiềm năng của mình. Đặc biệt trong những năm gần đây, nguồn vốn FDI vào lĩnh vực công nghiệp - dịch vụ ngày càng tăng, nhưng vốn FDI vào nông nghiệp có xu hướng giảm cả về giá trị tuyệt đối và tỷ trọng trong tổng vốn FDI của nền kinh tế. Hơn nữa, so với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài trong các lĩnh vực khác, hiệu quả thực hiện các dự án FDI trong lĩnh vực nông nghiệp còn rất hạn chế, chưa phát huy đầy đủ tiềm năng, thế mạnh của nước ta trong lĩnh vực này. Vì vậy để tăng cường quy mô vốn FDI vào lĩnh vực này, đòi hỏi cần phải có những định hướng, giải pháp cụ thể

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF, 1993), *đầu tư trực tiếp nước ngoài* được định nghĩa: "là hoạt động đầu tư được thực hiện nhằm thiết lập các mối quan hệ kinh tế lâu dài với một doanh nghiệp hoạt động trên lãnh thổ của một nền kinh tế khác nền kinh tế nước chủ đầu tư mục đích của chủ đầu tư là giành quyền quản lý thực sự doanh nghiệp".

Dunning (1970) đã sử dụng một định nghĩa ngắn gọn cho các công ty đa quốc gia (MNEs) là: "đầu tư trực tiếp chính là việc thực hiện hoạt động sản xuất của bất cứ công ty tại nhiều hơn một quốc gia". Vernon (1971) đã nhấn mạnh thêm vấn đề quy mô đầu tư và cơ cấu tổ chức của các MNEs "Các tập đoàn đa quốc gia là các công ty lớn tổ chức các hoạt động của họ ở nước ngoài thông qua một bộ phận tổ chức tích hợp, được lan truyền quốc tế và việc đầu tư của họ được dựa trên các sản phẩm và thị trường tiêu thụ".

Theo Điều 3 Luật Đầu tư năm 2005 mà Quốc hội khoá XI Việt Nam đã thông qua ngày 29-2-1987 có các khái niệm về "đầu tư", "đầu tư trực tiếp", "đầu tư nước ngoài", "đầu tư ra nước ngoài" nhưng không có khái niệm "đầu tư trực tiếp nước ngoài". Tuy nhiên, có thể "gộp" các khái niệm trên lại và có thể hiểu: "FDI là hình thức đầu tư do nhà đầu tư nước

ngoài bỏ vốn đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư ở Việt Nam hoặc nhà đầu tư Việt Nam bỏ vốn đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư ở nước ngoài theo quy định của luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan”.

Trong Điều 3, Luật Đầu tư năm 2014 của Việt Nam sử dụng khái niệm “đầu tư kinh doanh” để thay thế cho hai khái niệm trước đây là “Đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp”, không có khái niệm “Đầu tư trực tiếp nước ngoài”, xong có thể hiểu khái niệm FDI như sau: “*FDI là hình thức đầu tư do nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh*”.

Đối với lĩnh vực nông nghiệp, trong báo cáo của OECD (1978) đã khái quát rằng “Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong nông nghiệp là hình thức đầu tư quốc tế mà nhà đầu tư nước ngoài góp một lượng vốn đủ lớn để thiết lập các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nhờ đó cho phép họ trực tiếp tham gia điều hành đối tượng mà họ bỏ vốn đầu tư, cùng với các đối tác nước nhận đầu tư chia sẻ rủi ro và thu lợi nhuận từ những hoạt động đầu tư đó”.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế, giúp cho nước nhận đầu tư huy động mọi nguồn lực sản xuất như vốn, lao động, tài nguyên thiên nhiên và công nghệ. Theo đánh giá của UNCTAD, hoạt động FDI đã trực tiếp đóng góp vào GDP của nước nhận đầu tư, tăng thu nhập của người lao động và làm cho sản lượng GDP tăng lên. Những ngoại ứng tích cực từ hoạt động FDI thông qua hoạt động di chuyển vốn, công nghệ, kỹ năng và trình độ quản trị doanh nghiệp đã góp phần nâng cao năng lực sản xuất và năng suất lao động của nước tiếp nhận đầu tư. Còn đối với lĩnh vực nông nghiệp FDI có những vai trò sau:

- FDI bổ sung nguồn vốn cho phát triển nông nghiệp

Để phát triển bất kỳ lĩnh vực kinh tế nào, nguồn vốn luôn là yếu tố giữ vai trò quyết định. Đặc biệt tại các nước đang phát triển, nền nông nghiệp còn lạc hậu, do vậy phát triển nông nghiệp đòi hỏi cần phải có một nguồn vốn đầu tư lớn. Tuy nhiên thực tế là nguồn vốn đầu tư trong nước dành cho lĩnh vực thường khá hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu vốn cho ngành. Vì vậy việc thu hút các nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp, trong đó có nguồn vốn FDI càng trở nên quan trọng và được các nước chú trọng hơn bao giờ hết, thể hiện qua các chính sách ưu đãi đầu tư mà hầu hết các quốc gia dành cho nhà đầu tư khi đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

- Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn

Dòng vốn FDI không những bổ sung nguồn vốn cho nông nghiệp mà còn góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trên cả ba lĩnh vực:

Đối tượng của nông nghiệp: Các dự án FDI góp phần đa dạng hóa đối tượng sản xuất như cây trồng, vật nuôi, như

tạo ra các giống cây, con mới cho năng suất, chất lượng sản phẩm cao; hoặc các giống cây trồng vật nuôi phù hợp với điều kiện hoàn cảnh riêng của từng quốc gia...

Loại sản phẩm: Các dự án FDI không chỉ tập trung vào khâu sản xuất, đầu tư vào các khu nguyên liệu và còn tập trung vào khâu chế biến, tạo thêm giá trị gia tăng cho sản phẩm.

Quy mô sản xuất: Vốn FDI vào nông nghiệp góp phần mở rộng quy mô sản xuất, đặc biệt tại các nước nông nghiệp lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ lẻ và thiếu tập trung.

- Thúc đẩy chuyển giao công nghệ cho ngành

Cùng với vốn đầu tư, công nghệ là yếu tố quan trọng để xây dựng một nền nông nghiệp tiên tiến, hiện đại. Các quốc gia muốn có công nghệ phải đầu tư cho nghiên cứu và phát triển hoặc nhập khẩu công nghệ từ nước ngoài. Đây là khó khăn lớn đối với các nước đang và kém phát triển. Do vậy FDI chính là nguồn cung cấp công nghệ hiện đại cho nền kinh tế và ngành nông nghiệp thông qua chuyển giao công nghệ qua các dự án FDI.

Công nghệ áp dụng trong nông nghiệp rất đa dạng như công nghệ sinh học phục vụ sản xuất các giống cây trồng, vật nuôi; công nghệ sản xuất, thu hoạch; công nghệ chế biến lâm sản; công nghệ phát triển và quản lý các nguồn tài nguyên đất, nước, thủy lợi, tưới tiêu...

Áp dụng công nghệ sinh học vào nông nghiệp đã tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện từng quốc gia. Công nghệ sản xuất và thu hoạch góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất và thu hoạch sản phẩm. Đối với nguồn tài nguyên đất, nước, những yếu tố sống còn với sản xuất nông nghiệp, việc duy trì và nâng cao chất lượng các nguồn tài nguyên này là hết sức quan trọng.

Công nghệ trong thủy lợi, tưới tiêu cũng là một phần hết sức quan trọng trong phát triển nông nghiệp. Ở các nước đang phát triển, hệ thống thủy lợi thường chưa đáp ứng được nhu cầu tưới tiêu nước phục vụ cho sản xuất. Một số vùng trồng cây công nghiệp như cà phê, hồ tiêu, người sản xuất cũng không đủ nước cho sản xuất, trong khi đây lại là những mặt hàng xuất khẩu mang lại giá trị cao cho các quốc gia.

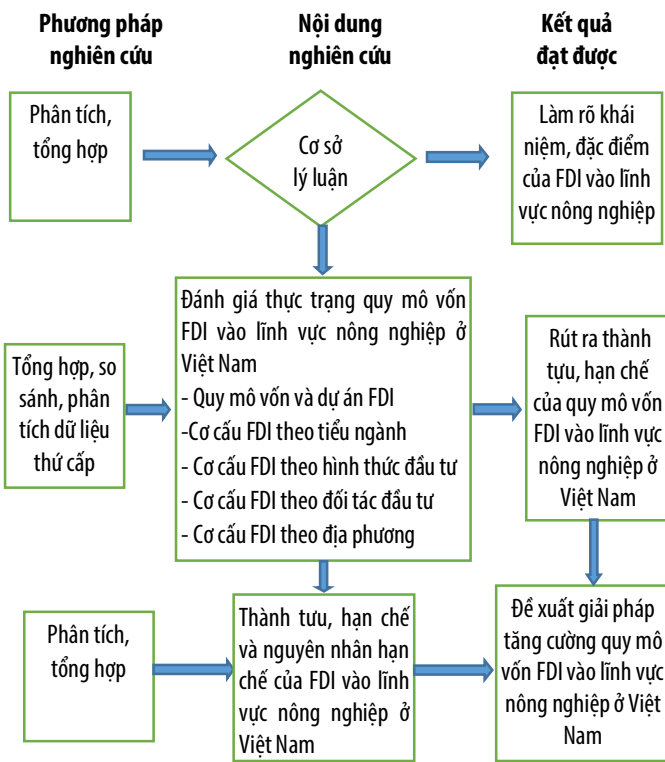
- Thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng nông sản

Khi xem xét yếu tố thị trường tiêu thụ cho sản phẩm, các dự án FDI đầu tư vào nông nghiệp không chỉ hướng vào phục vụ nhu cầu trong nước mà có tỷ trọng xuất khẩu nhất định. Hơn nữa, các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư với mong muốn tận dụng tối đa lợi thế so sánh của nước nhận đầu tư để thu lợi nhuận cao sẽ có xu hướng đẩy mạnh sản xuất hướng về xuất khẩu. Kết quả là, nguồn vốn FDI ngành nông nghiệp sẽ góp phần thúc đẩy xuất khẩu nông sản ở các nước nhận đầu tư.

Ngoài ra, việc thu hút FDI vào nông nghiệp còn giúp tận dụng được lợi thế về vốn, công nghệ sản xuất của nhà đầu tư nước ngoài, giúp tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, làm tăng khả năng cạnh tranh, phát triển thương hiệu nông sản quốc gia trên thị trường thế giới. Bản thân các doanh

ngành nội địa khác cũng có thêm cơ hội gia tăng xuất khẩu sản phẩm của mình từ sự lớn mạnh thương hiệu của quốc gia. Mặt khác, hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI còn tác động tới các doanh nghiệp trong nước như thúc đẩy trao đổi thông tin giữa doanh nghiệp và thị trường, làm cho họ có ý thức hơn về khả năng xuất khẩu nông sản, tăng cường hiểu biết hoạt động Marketing, đẩy mạnh tham gia vào hệ thống phân phối toàn cầu. Xuất khẩu nông sản xuất các doanh nghiệp nội địa phần nào cũng được đẩy mạnh nhờ tác động ngoại ứng này.

Để nghiên cứu thực trạng quy mô vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường quy mô nguồn vốn này. Trong nghiên cứu tác giả đã sử dụng phương pháp thống kê mô tả kết hợp với phương pháp tổng hợp, phân tích và so sánh để thấy rõ được xu hướng biến động của dòng vốn này. Quy trình nghiên cứu cụ thể được mô tả ở hình 1.



Hình 1. Quy trình nghiên cứu

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

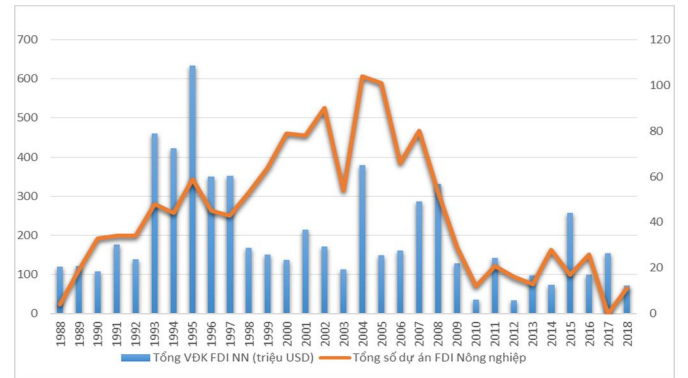
3.1. Quy mô và tăng trưởng vốn FDI vào ngành nông nghiệp

Kể từ khi Luật Đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam có hiệu lực từ năm 1988, Việt Nam đã có nhiều thành tựu trong việc thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong đó có đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp.

Tổng số dự án lũy kế còn hiệu lực trong lĩnh vực nông nghiệp tính đến 31/12/2018 là 488 với tổng số vốn đăng ký trên 3,44 tỷ USD; chiếm 1,78% tổng số dự án FDI (cả nước có 27.350 dự án) và 1,01% tổng số vốn đăng ký của các dự

án FDI trong cả nước (340,14 tỷ USD). Tuy nhiên, số dự án cũng như số vốn đăng ký của các dự án FDI vào lĩnh vực nông nghiệp còn khiêm tốn so với toàn ngành, trung bình mỗi dự án chỉ có vốn khoảng 7 triệu USD (140 tỷ đồng). Trong khi đó, mỗi dự án đầu tư vào công nghiệp chế biến, chế tạo có vốn bình quân 15 triệu USD (342 tỷ đồng). Số dự án và số vốn đăng ký qua các năm đang có xu hướng giảm. Từ năm 2012 đến nay, trung bình mỗi năm chỉ còn thu hút được dưới 20 dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp với số vốn dưới 100 triệu USD.

Nguồn vốn FDI vào ngành nông nghiệp có biểu đồ tăng trưởng không ổn định và phức tạp.



(Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch đầu tư 2019)

Hình 2. Vốn đăng ký FDI và số lượng dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam

Số lượng dự án FDI vào lĩnh vực nông nghiệp không ổn định theo từng năm. Với năm 2009, số lượng dự án đạt gần 30 dự án. Nhưng sau đó, các năm từ 2010 đến 2013, số lượng dự án bị giảm nhiều, mỗi năm dao động từ 10 đến 20 dự án. Đây là con số rất thấp so với tiềm năng nông nghiệp cũng như so sánh với tổng các dự án FDI mới trong năm. Điều này cho thấy việc ngành nông nghiệp chưa có sức hút với vốn FDI. Đến năm 2014, số dự án FDI được cấp phép trong năm đạt 28 dự án, cao hơn hẳn những năm trước. Năm 2015 - 2018, tuy số lượng dự án mới đăng ký giảm xuống nhưng quy mô vốn đăng ký tăng lên đáng kể.

Tính đến hết năm 2018, cả nước có 488 dự án FDI trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp có hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 3,44 tỷ USD, chiếm gần 3% tổng số dự án và 1,1% tổng vốn đầu tư đăng ký, giảm mạnh so với 15 năm trước đây (chiếm 15%). Không chỉ ngày càng giảm, cơ cấu vốn FDI trong nông nghiệp chỉ tập trung chủ yếu vào các dự án thu hồi vốn nhanh như chế biến nông sản, thực phẩm; chế biến lâm sản, chăn nuôi và chế biến thức ăn gia súc.

Bảng 1. Tỷ trọng vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp

(Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2018)

STT	Chuyên ngành	Số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký (triệu USD)	Cơ cấu vốn (%)
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	13.265	195.388,757	57,44
2	Hoạt động kinh doanh bất động sản	757	57.895,774	17,02

3	Sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa	118	23.080,170	6,79
4	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	732	12.015,789	3,53
5	Xây dựng	1.589	10.090,757	2,97
6	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy	3.504	6.810,625	2,00
7	Vận tải kho bãi	736	4.945,006	1,45
8	Khai khoáng	108	4.903,812	1,44
9	Giáo dục và đào tạo	455	4.340,491	1,28
10	Thông tin và truyền thông	1.879	3.583,048	1,05
11	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	488	3.440,440	1,01
12	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	133	3.419,968	1,01
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ	2.790	3.302,346	0,97
14	Cấp nước và xử lý chất thải	70	2.639,156	0,78
15	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	140	1.970,329	0,58
16	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	386	950,684	0,28
17	Hoạt động dịch vụ khác	137	715,180	0,21
18	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	58	643,886	0,19
19	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình	5	7,940	0,00
Tổng		27.350	340.159,445	100,00

Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài 2019

So với các ngành khác thì số vốn FDI thu hút vào lĩnh vực nông nghiệp là thấp nhất và chiếm cơ cấu rất nhỏ so với số vốn FDI của toàn ngành. Hai ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và hoạt động kinh doanh bất động sản là hai ngành đang thu hút được nhiều vốn FDI vào Việt Nam với khoảng gần 80% lượng vốn. Nguyên nhân hạn chế thu hút dòng vốn FDI vào nông nghiệp phụ thuộc vào nhiều yếu tố, chủ yếu là do đặc thù của ngành nông nghiệp cần có diện tích đất đai lớn, chịu những rủi ro về thời tiết, thời gian hoàn vốn lâu, lợi nhuận thu được thường thấp hơn những ngành khác, do đó khó thu hút được vốn đầu tư vào lĩnh vực này.

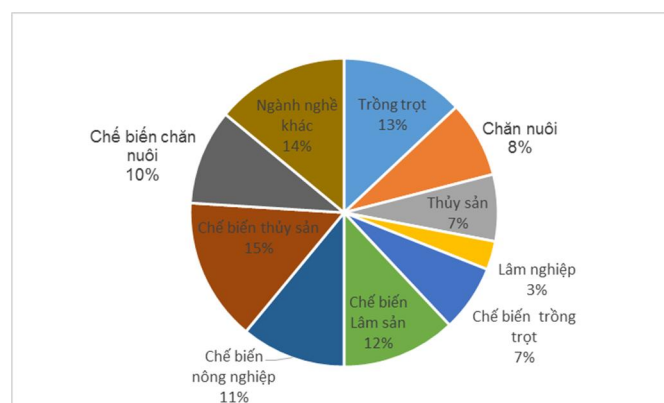
3.2. Cơ cấu vốn FDI trong lĩnh vực nông nghiệp

- Cơ cấu FDI trong lĩnh vực nông nghiệp theo tiểu ngành

Trong những năm đầu của thập kỷ 90, các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp phần nhiều là các dự án khai thác, chế biến gỗ và lâm sản. Nhưng đến nay các dự án đầu tư đã đa dạng hơn và khá đồng đều vào tất cả các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi gia súc gia cầm, trồng và chế biến lâm sản, trồng rừng và sản xuất nguyên liệu giấy, sản xuất mía đường, sản xuất thức ăn chăn nuôi,...

Với tổng nguồn vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp, các vốn FDI trong ngành chế biến ở vị trí đứng đầu chiếm 55%, tiếp đó là ngành trồng trọt (13%), chăn nuôi 8%, thủy sản 7% và ngành lâm nghiệp với tỷ trọng vốn thấp nhất (3%).

Nguyên nhân do ngành lâm nghiệp đòi hỏi thời gian đầu tư dài mới thu được kết quả, đây là lý do chính khiến ngành lâm nghiệp không thu hút được nhiều sự quan tâm của các nhà đầu tư.



Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, 2019

Hình 2. Cơ cấu vốn FDI trong lĩnh vực nông nghiệp

- Cơ cấu vốn FDI trong lĩnh vực nông nghiệp theo hình thức đầu tư

Trong nông nghiệp, các dự án FDI vào nước ta có 4 hình thức cơ bản là: Hình thức 100% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh. Trong đó, hình thức 100% vốn nước ngoài chiếm đa số với 408 dự án, với tổng vốn đăng ký 2,7 tỷ USD, chiếm 80,12% số dự án và 79,4% tổng vốn đăng ký. Tiếp theo là hình thức liên doanh, chiếm 18,85% số dự án và 20,49% số vốn đăng ký. Hình thức hợp đồng, hợp tác kinh doanh chiếm tỷ trọng rất nhỏ.

Bảng 2. Vốn FDI trong lĩnh vực nông nghiệp phân theo hình thức đầu tư

(Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2018)

STT	Hình thức đầu tư	Số dự án	Tổng vốn đầu tư (triệu USD)
1	100% vốn nước ngoài	391	2.731,75
2	Liên doanh	92	705,04
3	Hợp đồng hợp tác KD	5	3,66
Tổng		488	3.440,44

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, 2019

- Cơ cấu vốn FDI trong lĩnh vực nông nghiệp theo đối tác đầu tư

Tính đến hết năm 2018, đã có 33 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới đầu tư vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp của Việt Nam. Trong đó, Đài Loan có số dự án lớn nhất với 150 dự án, chiếm 30,74% số dự án và chiếm 18,84% số vốn FDI. Tiếp theo là British Virgin Islands với 5,33% số dự án và 16,61% số vốn; Singapore với 6,15% số dự án và 9,43% số vốn. Các nước Châu Á vẫn là các nhà đầu tư lớn nhất về cả số dự án và tỷ trọng vốn đầu tư. Các đối tác từ Châu Âu đầu tư ở mức khiêm tốn, chiếm tỷ trọng rất nhỏ. Các nhà đầu tư từ các khu vực còn lại trên thế giới, đặc biệt là một số nước có ngành nông nghiệp phát triển mạnh như Hoa Kỳ, Canada, Australia vẫn chưa thực sự đầu tư vào ngành nông nghiệp nước ta. Đầu tư của Hoa Kỳ chiếm 2,66% số dự án và 4,65% số vốn; Australia chiếm 4,71% số dự án và 3,45% số

vốn; đầu tư của Canada chưa đầy 0,61% số dự án và 0,25% số vốn. Điều này cũng hàm ý sự hạn chế của Việt Nam về khả năng tiếp cận với những dòng vốn FDI chất lượng cao và những đối tác nắm giữ công nghệ nguồn.

Bảng 3. Vốn FDI trong lĩnh vực nông nghiệp phân theo đối tác đầu tư

(Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2018)

STT	Đối tác	Số dự án	Tổng vốn đầu tư (triệu USD)	Cơ cấu số dự án (%)	Cơ cấu vốn đầu tư (%)
1	Đài Loan	150	648,15	30,74	18,84
2	British Virgin Islands	26	571,56	5,33	16,61
3	Singapore	30	324,28	6,15	9,43
4	Hồng Kông	27	269,91	5,53	7,85
5	Thái Lan	29	248,02	5,94	7,21
6	Nhật Bản	41	225,22	8,40	6,55
7	Malaysia	21	195,51	4,30	5,68
8	Hoa Kỳ	13	160,04	2,66	4,65
9	Australia	23	118,55	4,71	3,45
10	Hàn Quốc	38	114,88	7,79	3,34
Tổng 10 quốc gia		398	2.876,12	81,56	83,60
Các lãnh thổ còn lại		90	564,32	18,44	16,40

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, 2018

Cơ cấu trên cũng đã phản ánh phần nào khả năng vận động, kêu gọi xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp của Việt Nam còn nhiều hạn chế. Việc quảng bá những tiềm năng, thế mạnh của nông nghiệp Việt Nam ra thế giới chưa được thực hiện bài bản và có tầm nhìn chiến lược. Các cuộc triển lãm, trưng bày sản phẩm của lĩnh vực nông nghiệp chưa được tổ chức thường xuyên. Thêm vào đó, chính sách ưu đãi cho FDI vào lĩnh vực nông nghiệp chưa nhiều, chưa thực sự đủ sức lôi kéo các nhà đầu tư bỏ vốn vào lĩnh vực nông nghiệp. Những nền nông nghiệp phát triển trên thế giới chưa quan tâm đến nông nghiệp Việt Nam. Nếu thu hút được sự đầu tư từ những nước có nền nông nghiệp phát triển thì nông nghiệp Việt Nam sẽ thu được rất nhiều lợi ích, không chỉ là số vốn FDI và chúng ta còn tận dụng, tiếp thu được công nghệ hiện đại, quy trình sản xuất tiên tiến, kinh nghiệm quản lý hiện đại,...

- Cơ cấu vốn FDI trong lĩnh vực nông nghiệp theo địa phương

Tính đến hết năm 2018, tổng số dự án FDI đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam là 488 dự án. Số dự án và dòng vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp đã ít, cơ cấu dự án và nguồn vốn này lại phân bố mất cân đối trong các địa phương của cả nước. Mặc dù có tới 57/64 tỉnh, thành phố có dự án FDI trong lĩnh vực nông nghiệp được đầu tư và phân bố ở tất cả các vùng miền trong cả nước, nhưng phần lớn các dự án FDI ở lĩnh vực nông nghiệp tập trung vào những địa phương có lợi thế về cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, vùng nguyên liệu và điều kiện về thổ nhưỡng, khí hậu thuận lợi như Bình Dương (80 dự án), Lâm Đồng (57 dự án), Đồng Nai (42 dự án), TP. Hồ Chí Minh (8 dự án), Hà Nội (21

dự án), Bình Phước (22 dự án), Bình Thuận (20 dự án), Bình Dương (80 dự án).

Về số vốn đăng ký, Bình Dương và Đồng Nai là 2 tỉnh vừa có số dự án cao nhất, vừa có số vốn đăng ký cao nhất, tiếp theo là Đồng Nai, Thanh Hóa, Quảng Ninh. Trong khi đó, những địa phương và khu vực khác lại thu hút FDI vào lĩnh vực nông nghiệp rất khó khăn.

Bảng 4. Vốn FDI trong lĩnh vực nông nghiệp phân theo địa phương

(Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2018)

STT	Địa phương	Số dự án	Tổng vốn đầu tư (triệu USD)	Cơ cấu số dự án (%)	Cơ cấu vốn đầu tư (%)
1	Đồng Nai	42	573,38	8,61	16,67
2	Bình Dương	80	538,60	16,39	15,65
3	Lâm Đồng	57	236,65	11,68	6,88
4	Thanh Hóa	5	140,53	1,02	4,08
5	Quảng Ninh	10	129,81	2,05	3,77
6	Nghệ An	5	100,05	1,02	2,91
7	Vĩnh Phúc	7	99,34	1,43	2,89
8	Tây Ninh	12	98,88	2,46	2,87
9	Khánh Hòa	15	92,16	3,07	2,68
10	Bình Định	9	89,55	1,84	2,60
Tổng 10 địa phương		242	2.098,94	49,59	61,01
Các địa phương còn lại		246	1.341,50	50,41	38,99

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, 2018

3.3. Một số thành tựu và hạn chế của vốn FDI đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam

- Thành tựu:

Trong 30 năm qua, FDI đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp đã đạt được những thành tựu nhất định và đã có những đóng góp tích cực vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, đóng góp vào ngân sách nhà nước, tạo việc làm cho nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo cải thiện đời sống của người dân:

- FDI trong lĩnh vực nông nghiệp đã góp phần bổ sung nguồn vốn cho đầu tư phát triển trong lĩnh vực này, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Trong những năm qua, khu vực FDI vào lĩnh vực nông nghiệp đã góp phần tích cực trong xuất khẩu nông lâm, thủy sản của Việt Nam, đặc biệt là các sản phẩm gỗ, chè, cà phê, chè, tiêu, điều,... Tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2018 đạt 40,02 tỷ USD, tăng 9,1% so với năm 2017, thặng dư thương mại đạt 2,67 tỷ USD, góp phần giảm nhập siêu cho cả nước. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông sản đạt 19,51 tỷ USD, các mặt hàng thủy sản đạt 9 tỷ USD, các mặt hàng đồ gỗ và lâm sản đạt 9,6 tỷ, so với năm 2017 lần lượt tăng 1,4%, 8,4% và 15,9%. Đã có 6 mặt hàng xuất khẩu đạt kim ngạch từ 3 tỷ USD trở lên là cà phê (3,543 tỷ USD), đồ gỗ (8,476 tỷ USD), hạt điều (3,377 tỷ USD), tôm (3,55 tỷ USD), gạo (3,054 tỷ USD), rau quả (3,822 tỷ USD); 5 mặt hàng đạt kim ngạch trên 1 tỷ là hạt tiêu, cao su, cá tra, chè, sắn và các sản phẩm từ sắn.

- Dự án FDI trong lĩnh vực nông nghiệp đã bước đầu thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, góp phần đa dạng hóa sản phẩm, thay đổi các phương thức sản xuất truyền thống bằng các phương thức sản xuất mới với quy mô lớn hơn, tiếp thu và ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng và tính cạnh tranh của hàng hóa nông lâm, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam.

Sản phẩm của các doanh nghiệp có vốn FDI được tiếp thị ở thị trường quốc tế một cách khá thuận lợi, góp phần đáng kể vào việc giới thiệu nông sản, hàng hóa của Việt Nam trên thị trường quốc tế, tạo điều kiện cho thị trường nông sản Việt Nam thâm nhập thị trường, nâng cao kim ngạch xuất khẩu chung của ngành. FDI cũng góp phần cải thiện tập quán canh tác, góp phần phát triển kinh tế xã hội ở nhiều địa phương, nhất là các dự án đầu tư vào phát triển nguồn nguyên liệu, cải thiện điều kiện hạ tầng yếu kém, lạc hậu ở nhiều địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo.

Ngoài ra, việc hình thành các khu công nghiệp mới và thu hút FDI vào ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến nông sản, hải sản và thực phẩm đã góp phần đáng kể vào việc thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng hiện đại, sử dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao. Việc hình thành các khu công nghiệp mới không chỉ tạo điều kiện thu hút lực lượng lao động ở nông thôn mà còn góp phần đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn.

- FDI góp phần tạo thêm việc làm mới, nâng cao thu nhập cho người dân các địa phương, cải thiện đời sống kinh tế - xã hội của nhiều vùng nông nghiệp và nông thôn, cải thiện cơ sở hạ tầng, giúp xóa đói giảm nghèo. Đến nay, các dự án FDI vào lĩnh vực nông nghiệp đã thu hút được nhiều lao động trực tiếp, chưa kể số lượng lớn lao động thời vụ cũng như lao động khác trong khu vực chăn nuôi, trồng trọt để cung cấp sản phẩm cho ngành chế biến thực phẩm (tiêu thụ trong nước và xuất khẩu), chế biến thức ăn chăn nuôi gia súc, thức ăn cho nuôi trồng thủy sản. Các doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực nông nghiệp hàng năm cũng tạo ra khoảng 500.000 lao động trực tiếp và gián tiếp cho ngành nông nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập cho người nông dân.

Các dự án FDI trong lĩnh vực nông nghiệp và chế biến nông sản tuy vốn đầu tư không lớn nhưng lại có thể tạo ra việc làm cho lực lượng lao động đông đảo và đang thiếu việc làm trầm trọng ở nông thôn. Thực tế cho thấy, các dự án FDI trong lĩnh vực này không chỉ tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho số lượng lớn lao động trực tiếp làm việc tại các nhà máy mà còn cho nhiều hộ nông dân và trực tiếp tham gia tạo nguồn nguyên liệu thường xuyên cho dự án hoặc theo mùa vụ (mía đường, khoai mì,...).

- Hạn chế:

Bên cạnh những thành tựu đạt được của FDI trong lĩnh vực nông nghiệp thì vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp vẫn còn những hạn chế như:

- Tỷ trọng số dự án và số vốn FDI vào nông nghiệp còn rất thấp và thiếu ổn định. Mặc dù tỷ trọng FDI của cả nước có xu hướng tăng lên, nhưng trong thời gian qua dòng vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp còn rất hạn chế cả về quy mô dự án và tỷ trọng vốn đầu tư so với tổng FDI của cả nước (Tính đến hết năm 2018, Việt Nam thu hút được 27.350 dự án FDI còn hoạt động với tổng vốn đăng ký lên tới 340,82 tỷ USD nhưng chỉ có 488 dự án FDI vào lĩnh vực nông nghiệp với số vốn là 3,44 tỷ USD)[Bộ Kế hoạch đầu tư, 2018]. Qua đó thấy rằng nguồn vốn FDI chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh phát triển nông nghiệp của Việt Nam mặc dù trong tổng thể chính sách thu hút FDI vào nông nghiệp và phát triển nông thôn luôn được coi là lĩnh vực khuyến khích đầu tư. Mặt khác, so với hoạt động FDI ở các lĩnh vực khác, hiệu quả thực hiện các dự án FDI trong lĩnh vực nông nghiệp còn rất thấp, hạn chế, thiếu ổn định và có xu hướng giảm. Đồng thời, lĩnh vực nông nghiệp luôn tiềm ẩn những rủi ro từ điều kiện tự nhiên, thị trường, thời gian thu hồi vốn chậm, lãi suất thấp,... nên có tới 15,6% số dự án bị giải thể trước thời hạn.

- Vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp chưa phát huy đầy đủ tiềm năng, thế mạnh của nước ta trong lĩnh vực này. Trong ngành trồng trọt và chế biến nông sản, FDI có xu hướng tập trung vào khai thác tiềm năng, nguồn lực sẵn có về đất đai, lao động,... chưa có nhiều dự án tạo giống cây, giống con mới và nuôi, trồng, chế biến các loại rau, củ, quả xuất khẩu có hàm lượng công nghệ cao, chất lượng tốt, phù hợp với điều kiện Việt Nam.

FDI trong lâm nghiệp đặc biệt là trồng rừng và chế biến lâm sản chưa thực sự đạt hiệu quả như mong muốn, chưa mang lại lợi ích đáng kể cho nhà đầu tư, Nhà nước và người lao động. Các dự án chế biến lâm sản, chế biến gỗ chỉ tập trung sử dụng nguồn nguyên liệu nhập khẩu (80%), trong khi đó hàng năm nước ta xuất khẩu gỗ ván dăm, gỗ nguyên liệu với khối lượng rất lớn.

Việc khai thác, sử dụng đất đai của các dự án FDI trong lĩnh vực nông nghiệp chưa thực sự có hiệu quả. Nhiều dự án trồng rừng chiếm diện tích đất khá lớn, song hiệu quả thực tế trên 1ha sử dụng đất còn rất thấp. Một số dự án trồng rừng nguyên liệu, chế biến nông sản không đem lại hiệu quả, bên cạnh đó có rất nhiều dự án có tác động nghiêm trọng tới cảnh quan, môi trường tự nhiên, thậm chí có ảnh hưởng tới an ninh quốc phòng.

FDI trong ngành thủy sản bị giảm do tập trung vào các dự án sản xuất giống mới, chế biến sản phẩm có giá trị gia tăng, nuôi các loại hải sản có giá trị kinh tế cao. Mặt khác, đầu tư trong ngành này giảm do trình độ nuôi trồng thủy sản, chế biến của các doanh nghiệp trong nước ở Việt Nam đã khá hơn, đáp ứng được yêu cầu tiêu chuẩn của quốc tế và thị trường nhập khẩu.

- Phân bổ nguồn vốn FDI không đồng đều giữa các vùng và địa phương. Dự án FDI trong lĩnh vực nông nghiệp chủ yếu tập trung ở những vùng có điều kiện thuận lợi về khí hậu, thổ nhưỡng, cơ sở hạ tầng, chính sách ưu đãi như Lâm Đồng, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Quảng Ninh,

Khánh Hòa. Qua đó thấy rằng các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng núi rất khó kêu gọi vốn FDI của các nhà đầu tư nước ngoài.

- Đối tác nước ngoài tham gia đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp còn thiếu tính đa dạng. Cho đến nay, đã có trên 30 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia đầu tư FDI vào lĩnh vực nông nghiệp, chủ yếu là các quốc gia ở khu vực Châu Á. Hầu như cho đến nay chưa có thay đổi đáng kể về cơ cấu FDI theo đối tác, các nước Châu Á vẫn là các nhà đầu tư vốn FDI lĩnh vực nông nghiệp lớn nhất cả về tỷ trọng số dự án và tỷ trọng vốn đầu tư, trong khu các đối tác từ Châu Âu vẫn đầu tư ở mức khiêm tốn, đầu tư đáng kể nhất là British Virgin Islands, Hoa Kỳ, Liên bang Nga. Điều này phần nào phản ánh cơ cấu chung về đối tác FDI ở Việt Nam, song cũng cho thấy khả năng vận động, xúc tiến đầu tư của Việt Nam trong lĩnh vực này còn hết sức hạn chế.

3.4. Nguyên nhân của hạn chế

- Chưa có chiến lược, kế hoạch chung cho toàn vùng trong thu hút vốn FDI vào ngành nông nghiệp; chủ trương thu hút FDI chưa nhất quán ưu tiên vào lĩnh vực nông nghiệp.

- Kế hoạch, quy hoạch còn lỏng lẻo, thiếu chế tài hữu hiệu quản lý các vùng sản xuất tập trung nên đã tạo ra sự phát triển tự do, cạnh tranh tùy tiện và cả độc quyền vô nguyên tắc đã làm cho thị trường nguyên liệu nông sản trong vùng trở nên hỗn loạn, lúc tăng, lúc giảm dẫn đến không tạo được vùng nguyên liệu phát triển ổn định, có sự kiểm soát của nhà nước về nguồn gốc, chất lượng nông sản.

- Thiếu chiến lược, chủ trương chung, nên nhiều địa phương vẫn còn lúng túng, chưa xác định được khâu nào, giai đoạn nào và sản phẩm gì trong nông nghiệp nên ưu đãi đầu tư và mức độ ưu đãi như thế nào, lĩnh vực nào thu hút vốn từ doanh nghiệp FDI, lĩnh vực nào thu hút vốn từ doanh nghiệp trong nước, cần tập trung thu hút những đối tác đầu tư nào có thế mạnh công nghệ, kỹ thuật để có thể chuyển giao, học hỏi từ họ... Chính điều này dẫn đến kết quả thu hút chưa phát huy được những lợi thế của từng địa phương, số dự án thấp, thiếu ổn định...

- Hệ thống pháp luật, chính sách đối với nhà đầu tư nước ngoài trong nông nghiệp thiếu rõ ràng và minh bạch; các văn bản pháp luật chưa đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, ổn định, còn chồng chéo nhau gây khó khăn cho nhà đầu tư nước ngoài; chính sách ưu đãi cụ thể đối với các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành nông nghiệp, chính sách thu hút FDI hiện đang được cào bằng với các ngành khác trong nước và một số kém ưu đãi hơn so với các nước trong khu vực, làm cho dòng vốn FDI không chảy nhiều vào lĩnh vực nông nghiệp và thiếu ổn định.

- Chính sách đất đai còn nhiều bất cập, dẫn đến việc tiếp cận đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp của các nhà đầu tư nước ngoài còn khó khăn như còn nhiều quy định hạn chế về quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, diện tích đất cho mỗi hộ gia đình, chuyển mục đích sử dụng đất... Nhà đầu tư nước ngoài không được cấp sổ đỏ và chỉ có thể thuê lại đất từ chính phủ mà không được thuê trực tiếp từ cá nhân hay thuê lại từ doanh nghiệp... Điều này nhằm

đảm bảo bình đẳng về tiếp cận đất đai nhưng lại dẫn đến hạn chế khả năng tích tụ đất đai và gây cản trở cho đầu tư dài hạn, sản xuất quy mô lớn.

- Người lao động có xu hướng chuyển sang các ngành nghề khác ổn định hơn, nhất là vào các khu công nghiệp mới mọc lên tại các địa phương vì thu nhập của người lao động tại các doanh nghiệp nông lâm nghiệp thường thấp hơn so với các thu nhập của các ngành nghề khác. Do đặc tính của sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ nên nhu cầu sử dụng lao động tại các doanh nghiệp không ổn định, lúc nhàn rỗi, lúc khẩn trương đã làm cho các lao động không yên tâm làm việc trong doanh nghiệp nông nghiệp.

4. GIẢI PHÁP

4.1. Về hỗ trợ, ưu đãi các dự án FDI trong nông nghiệp

- Tiếp tục duy trì và mở rộng các ưu đãi, hỗ trợ hiện hành đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

- Tăng cường các biện pháp hỗ trợ như: cho nông dân vay vốn ưu đãi để đầu tư phát triển nguồn nguyên liệu nông sản phục vụ công nghiệp chế biến; hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản...

- Tiếp tục áp dụng biện pháp ưu đãi thuế thu nhập đối với các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất các loại giống mới, dự án phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Hướng dẫn kênh hỗ trợ tín dụng ngân hàng cho các dự án FDI trong lĩnh vực nông nghiệp từ Ngân hàng phát triển để tạo nguồn vốn bổ sung cho các doanh nghiệp FDI đang triển khai một số dự án đầu tư tạo giống, sản xuất sản phẩm xuất khẩu...

- Áp dụng cơ chế bảo lãnh, thế chấp để doanh nghiệp FDI có dự án đầu tư vào lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư được tiếp cận thuận lợi.

- Có chính sách trợ cấp cho nông dân và các doanh nghiệp nông nghiệp khi bị tổn thất về thiên tai, bị rủi ro về biến động giá thị trường nông sản.

4.2. Về công tác quy hoạch

- Nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng ngành, từng sản phẩm theo hướng gắn kết với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển đặt ra trong Kế hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn thời kỳ 2015 - 2020 định hướng 2030 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng như định hướng thu hút, sử dụng nguồn vốn FDI. Căn cứ các quy hoạch nói trên, các ngành, địa phương cần xây dựng các Danh mục dự án ưu tiên gọi vốn FDI với các thông tin cụ thể về mục tiêu, địa điểm, công suất và đối tác Việt Nam để làm cơ sở cho việc tổ chức các chương trình vận động đầu tư.

- Chính quyền địa phương chủ động quy hoạch vùng nguyên liệu nông sản cho nhà đầu tư gắn với các hình thức chuyển giao quyền sử dụng đất từ nông dân sang nhà đầu tư. Bố trí vốn ngân sách hoặc các nguồn vay ODA của Việt Nam để đầu tư giải phóng mặt bằng tại các vùng dự án triển khai.

4.3. Về đất đai, mặt nước

- Mở rộng và đảm bảo quyền lợi của người nông dân trong việc chuyển giao quyền sử dụng đất cho nhà đầu tư, đi đôi với đảm bảo khả năng sử dụng đất ổn định theo quy hoạch của nhà đầu tư. Áp dụng hình thức kết hợp giữa nhà đầu tư và nông dân để đầu tư triển khai dự án: người nông dân góp đất đai và sức lao động, nhà đầu tư bỏ vốn và công nghệ.

- Từng địa phương tiến hành quy hoạch lại việc sử dụng các loại đất của các dự án FDI trong nông nghiệp và xác định kế hoạch sử dụng đất lâu dài cho từng dự án.

4.4. Về phát triển vùng nguyên liệu

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn dưới hình thức cho nhà đầu tư FDI vay để xây dựng các hạng mục kết cấu hạ tầng cứng và mềm cần thiết và sử dụng lâu dài tại vùng nguyên liệu.

- Cung cấp tín dụng ưu đãi cho nông dân và doanh nghiệp để đầu tư trực tiếp vào cây trồng để tạo vùng nguyên liệu đáp ứng yêu cầu kinh doanh có hiệu quả.

- Chính quyền tỉnh và các huyện có vùng nguyên liệu của dự án FDI có trách nhiệm bảo vệ và duy trì các vùng nguyên liệu đã quy hoạch cho dự án FDI để đảm bảo cung cấp đầy đủ nguyên liệu tập trung cho nhà đầu tư.

- Xác định quyền và trách nhiệm cho nhà đầu tư trong việc đưa ra các biện pháp bảo vệ vùng nguyên liệu của họ.

4.5. Về phát triển nguồn lực trong nông nghiệp

- Nhà nước cần có chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhiều mặt cho lực lượng lao động làm việc cho các dự án trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Phát triển hệ thống đào tạo nghề ở nông thôn, hệ thống khuyến nông, chuyển giao kỹ thuật, kiến thức kinh tế và kiến thức về thị trường cho người lao động tại chỗ, trong đó có lao động làm việc cho FDI.

- Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể địa phương trong việc hỗ trợ các nhà đầu tư FDI tiếp cận người dân, gia đình những người làm việc cho FDI để tạo sự hiểu biết, chia sẻ và hiểu biết lẫn nhau, qua đó phát triển nguồn nhân lực địa phương nói chung và nguồn nhân lực làm việc cho FDI.

4.6. Về công tác Xúc tiến đầu tư

- Tăng cường, nâng cao hiệu quả vận động, xúc tiến FDI. Ngành nông nghiệp cần phát triển một hệ thống quản lý và xúc tiến FDI đối với doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động ở Việt Nam cũng như các nước vùng lãnh thổ có tiềm năng đầu tư vào nông nghiệp, quảng bá hình ảnh nông nghiệp Việt Nam trong mắt bạn bè thế giới.

- Cần coi việc hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai có hiệu quả các dự án FDI đã được cấp giấy phép đầu tư (xúc tiến đầu tư tại chỗ) là một biện pháp tốt nhất để xây dựng hình ảnh, nâng cao sự hiểu biết của nhà đầu tư nước ngoài về sức hấp dẫn và cạnh tranh của đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn ở Việt Nam.

5. KẾT LUẬN

Trong khi FDI của cả nước có xu hướng tăng, thì dòng vốn này vào lĩnh vực nông nghiệp lại quá nhỏ về quy mô dự án và tỷ trọng vốn đầu tư so với tổng vốn FDI của cả nước. Điều này đang đòi hỏi ngành nông nghiệp phải có một chiến lược, định hướng với tư duy mới để tăng cường quy mô vốn FDI, thúc đẩy nền nông nghiệp Việt Nam phát triển nhanh, bền vững theo hướng hiện đại, góp phần hoàn thành sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Kế hoạch đầu tư, 2018. *30 năm thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam - Tâm nhìn và cơ hội mới trong kỷ nguyên mới*. NXB Thống kê, Hà Nội.
- [2]. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2005. *Luật Đầu tư*. Hà Nội.
- [3]. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2014. *Luật Đầu tư sửa đổi, bổ sung*. Hà Nội.
- [4]. Cục Đầu tư nước ngoài, 2018. *Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài năm 2018*. Truy cập ngày 25/12/2018 <https://dautunuocngoai.gov.vn/tinbai/6108/Tinh-hinh-thu-hut-Dau-tu-nuoc-ngoai-nam-2018>
- [5]. Dunning, J.H., 1970. *Studies in Direct Investment*. Allen and Unwin, London.
- [6]. IMF, 1993. *Balance of payments manual (Fifth ed.)*. IMF.
- [7]. OECD, 1978. *Facing the future: Mastering the probable and managing the unpredictable*. Organization for Economic Cooperation and Development.
- [8]. Vernon, R., 1971. *The Multinational Spread of U.S. Enterprises*. Basic Books. New York

AUTHORS INFORMATION

Nguyen Thi Mai Huong¹, Tran Thi Minh Chau², Nguyen Thi Xuan Huong¹

¹Vietnam National University of Forestry

²Ho Chi Minh National Academy of Politics and Public Administration